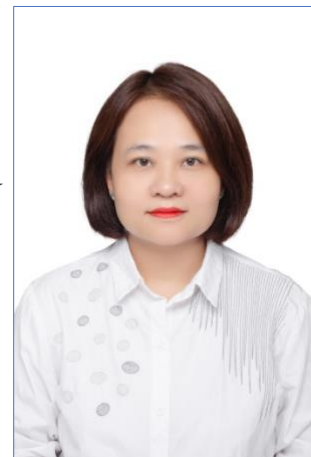


**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

**Mã hồ sơ: .....**

*(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )*

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học giáo dục

Chuyên ngành: Giáo dục học đại cương

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ NGỌC

2. Ngày tháng năm sinh: 14/04/1982 Nam  Nữ:  Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 14, Ngõ 566, Tổ 6, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Số 20 Đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại di động: 0912024817

E-mail: ngocnt.psy@tnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 03 năm 2009: Giảng viên tạo nguồn, Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Từ tháng 04 năm 2009 đến tháng 12 năm 2018: Giảng viên, Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 01 năm 2021: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Khoa học giáo dục, Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Từ tháng 01 năm 2021 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn Khoa học giáo dục, Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính - Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Khoa học Giáo dục, Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Địa chỉ cơ quan: Số 20, đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại cơ quan: 02083856891

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm.....: Không

9. Trình độ đào tạo

- Được cấp bằng Đại học ngày 07 tháng 07 năm 2006; số văn bằng: C745982; ngành: Tâm lí - Giáo dục, chuyên ngành: Tâm lí - Giáo dục; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 29 tháng 12 năm 2008; số văn bằng:1912; ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: Giáo dục học; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 18 tháng 11 năm 2014; số văn bằng: 0103; ngành: Khoa học giáo dục, chuyên ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng Trung cấp lí luận chính trị - hành chính ngày 02 tháng 06 năm 2022; số văn bằng: TC0157832; Nơi cấp bằng Trung cấp: Trường chính trị tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng Đại học ngày 05 tháng 12 năm 2023; số văn bằng: DT/CN/09888; ngành: Ngôn ngữ Anh; Nơi cấp bằng Đại học: Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm... ,ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học giáo dục/Giáo dục học đại cương

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng thứ nhất: Nghiên cứu về lí luận giáo dục (tập trung vào các vấn đề như giáo dục gia đình, giáo dục quyền và bổn phận trẻ em, giáo dục kỹ năng sống đặc biệt là kỹ năng giao tiếp; tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh)

- Hướng thứ hai: Nghiên cứu về lí luận dạy học (tập trung nghiên cứu về vấn đề bồi dưỡng giáo viên; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và giáo dục trong nhà trường đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 16 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ (trong đó có 03 học viên chuyên ngành Giáo dục học; 01 học viên chuyên ngành Giáo dục mầm non; 11 học viên chuyên ngành Quản lý giáo dục). Tôi đang hướng dẫn phụ 01 nghiên cứu sinh chuyên ngành Quản lý giáo dục tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 đề tài trong đó có 01 đề tài cấp Đại học; 01 đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đã công bố 36 bài báo khoa học trong nước và quốc tế trong đó có 05 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín (04 bài là tác giả số 1 và 01 bài là đồng tác giả);

- Số lượng sách đã xuất bản là 03 cuốn trong đó có 01 sách chuyên khảo, 01 sách tham khảo, 01 giáo trình tại các nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017-2018 đến năm học 2018-2019

- Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022 (Quyết định số 1711/QĐ-ĐHSP ngày 12 tháng 07 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên)

- Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2022-2023 (Quyết định số 1738/QĐ-ĐHSP ngày 07 tháng 07 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

*\* Về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống:*

Tôi luôn gương mẫu và thực hiện tốt các quy định của Đảng và Nhà nước đối với công dân; luôn vận động gia đình và khu dân cư thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật; Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế cơ quan và pháp luật của nhà nước; Luôn giữ gìn và phát huy tốt phẩm chất đạo đức của người giảng viên; vai trò tiên phong của người Đảng viên. Trong công việc luôn có tinh thần trách nhiệm cao; luôn giữ uy tín với đồng nghiệp. Coi trọng, tôn trọng đồng nghiệp và luôn gần gũi, gắn kết với đồng nghiệp trong quản lý chuyên môn để hoàn thành các nhiệm vụ được giao;

*\* Về nhiệm vụ quản lý, giảng dạy hiện nay:*

Với vai trò quản lý chuyên môn là trưởng bộ môn: Tôi chủ động trong việc quản lý và tổ chức các hoạt động của tổ chuyên môn như tổ chức sinh hoạt chuyên môn, phân công giảng dạy, phê duyệt kế hoạch và kiểm tra hồ sơ lên lớp của giảng viên, thẩm định đề thi kết thúc học phần; tham gia hội đồng đào tạo của khoa để thực hiện nhiệm vụ phát triển chương trình đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra của các chuyên ngành đào tạo của khoa. Tôi luôn chủ động hướng dẫn và hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ vì vậy hiệu quả quản lý cấp bộ môn luôn bảo đảm về thời gian và chất lượng;

Với chức danh nghề nghiệp giảng viên, tôi đã tham gia giảng dạy đầy đủ các học phần ở cả 2 trình độ đại học và cao học. Đối với hoạt động đào tạo trình độ Đại học tôi giảng dạy các học phần như: Giáo dục học; Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; Phương pháp giảng dạy giáo dục học; Thực hành sư phạm;

Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản. Đối với hoạt động đào tạo trình độ cao học tôi giảng dạy các học phần như: Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục; Phát triển môi trường giáo dục; Dự báo giáo dục; Huy động nguồn lực trong giáo dục. Khi thực hiện giảng dạy tôi luôn coi trọng chất lượng bài giảng, chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng người học. Tôi luôn chủ động sắp xếp công việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, có tinh thần cầu thị lắng nghe góp ý của đồng nghiệp, của người học để cải thiện và nâng cao chất lượng bài giảng;

*\* Về nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn:*

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy tôi luôn chủ động, tích cực tham gia các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện. Để phục vụ hoạt động giảng dạy, tôi tham gia viết giáo trình, chủ biên biên soạn sách chuyên khảo, sách tham khảo, tài liệu bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Tôi đã tham gia hội đồng đánh giá các đề tài khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở; tham gia các hội đồng chấm luận văn thạc sĩ cho học viên tại trường nơi công tác và một số trường đại học khác. Năm 2022 và 2023, tôi tham gia hội đồng thẩm định quốc gia sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 11 và lớp 12 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Với những kết quả đã đạt được trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và những đóng góp cho thực tiễn giáo dục, tôi nhận được sự đánh giá tích cực của đồng nghiệp cũng như các nhà khoa học trong và ngoài nhà trường.

Trong 15 năm công tác, bản thân tôi luôn nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ về quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động chính trị, xã hội cũng như các nhiệm vụ khác do Khoa và nhà trường phân công. Bản thân luôn cố gắng học hỏi, nâng cao năng lực của bản thân, luôn trau dồi kiến thức chuyên môn, rèn luyện nghiệp vụ, tu dưỡng đạo đức, rèn luyện tác phong của nhà giáo, phát huy vai trò gương mẫu của người đảng viên. Tôi luôn giữ mối quan hệ thân thiện, chân tình với đồng nghiệp, giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ của khoa và nhà trường.

## **2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 03 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số khoá luận, báo cáo tốt nghiệp ĐH đã hướng dẫn	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/số giờ quy đổi/ số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019			2		277	45	322/291/206,55
2	2019-2020			2		267	75	342/304,5/229,5
3	2020-2021			3		177	90	267/268,5/229,5
<b>03 năm học cuối</b>								
4	2021-2022			2		247	105	352/351/216

5	2022-2023		1	4		223	45	268/250,2/216
6	2023-2024		1	0		371	60	431/372/216

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài  :

- Học ĐH; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; Tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước  :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Thái Nguyên. Số bằng: DT/CN/09888; năm cấp: 2023

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài  :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : .....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác: Không ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Đại học cử nhân ngôn ngữ Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ .. đến ..	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Hà Thị Bích Ngọc (Giáo dục học)		x	x		T6/2017- T5/2018	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	30/8/2018
2	Lanoy Mingmeungsen (Giáo dục học)		x	x		T6/2017- T5/2018	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	30/8/2018
3	Nguyễn Thị Xuân		x	x		T9/2018- T5/2019	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	30/8/2019
4	Nguyễn Thị Hồng Vân		x	x		T10/2018- T5/2019	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	6/12/2019
5	Vũ Thị Thanh		x	x		T10/2019- T5/2020	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	8/10/2020
6	Vũ Thị Hảo		x	x		T5/2019- T5/2020	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	8/10/2020
7	Nguyễn Thị Khánh Linh		x	x		T6/2020- T6/2021	Trường Đại học sư phạm	26/11/2021

	(Giáo dục học)						- ĐHTN	
8	<b>Trần Thị Huyền Trang</b> (Giáo dục học)		x	x		T6/2020- T6/2021	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	26/11/2021
9	Nguyễn Văn Chính		x	x		T12/2020- T5/2021	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	26/11/2021
10	Vũ Hồng Thương		x	x		T12/2021- T5/2022	Trường Đại học sư phạm	13/9/2022
11	Bùi Thị Thu Hiền		x	x		T12/2021- T5/2022	Trường Đại học sư phạm	13/9/2022
12	Nguyễn Tiến Dũng		x	x		T8/2022- T5/2023	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	14/8/2023
13	Nguyễn Viết Thanh		x	x		T8/2022- T5/2023	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	14/8/2023
14	Lục Thị Hạnh		x	x		T8/2022- T5/2023	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	14/8/2023
15	<b>Nguyễn Thị Huyền Trang</b> (Giáo dục học mầm non)		x	x		T12/2021- T6/2023	Trường Đại học sư phạm - ĐHTN	14/8/2023
16	Nguyễn Ngọc Hiếu	x				x 2022-2025	ĐH Sư phạm - ĐHTN	Đang thực hiện

### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)* <sup>1</sup>	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Mức độ tham gia	Phần biên soạn (từ trang...đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>						
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>						
1	Quản lí hành chính nhà nước và quản	Giáo trình	NXB Đại học Thái Nguyên,	5	Thành viên	50-111	Quyết định 1933/QĐ-ĐHSP, ngày

	lí ngành giáo dục - đào tạo		2015				28/5/2021
2	Giáo dục quyền và bổn phận trẻ em cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số	Chuyên khảo	NXB Khoa học Xã hội, 2018	1	Chủ biên		Quyết định 1931/QĐ-ĐHSP, ngày 28/5/2021
3	Giáo dục kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh Trung học cơ sở người dân tộc thiểu số	Tham khảo	NXB Đại học Thái Nguyên, 2018	1	Chủ biên		Quyết định 1932/QĐ-ĐHSP; ngày 28/5/2021

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [2]

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT <sup>2</sup> ...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Quyết định giao nhiệm vụ (số, ngày tháng)	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>					
1	Ảnh hưởng của phong tục, tập quán đến các hoạt động giáo dục quyền và bổn phận cho trẻ em Tày - Nùng tỉnh Thái Nguyên	Chủ nhiệm	Mã số: ĐH2012 -TN04-03 Đề tài cấp Đại	Quyết định số 235/QĐ-ĐHTN ngày 20/3/2012	Từ tháng 01/2012 - Tháng 12/2013	Quyết định số 2178/QĐ-ĐHTN ngày 25/11/2014 (Nghiệm thu ngày

			học Thái Nguyễn			26/12/2014) Xếp loại Khá
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>					
2	Phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh Trung học cơ sở người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Chủ nhiệm	Mã số: B2016- TNA - 16 Đề tài cấp Bộ	Quyết định số 2478/QĐ-BGDĐT ngày 14/7/2015	Từ tháng 01/2016 - tháng 12/2017	Quyết định số 47/QĐ-BGDĐT ngày 09/01/2019 (Nghiệm thu ngày 23/01/2019) Xếp loại Đạt
3	Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học tỉnh Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018	Chủ nhiệm	TNUE - 2022-15, Đề tài cấp trường	Quyết định số 547/QĐ-ĐHSP ngày 15/3/2022	Tháng 01/2022 - Tháng 12/2022	Quyết định số 2924/QĐ-ĐHSP ngày 18 tháng 09 năm 2023 (Nghiệm thu ngày 2/11/2023) Xếp loại Đạt

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)**

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Giáo dục quyền và bổn phận cho trẻ em thông qua môn Đạo Đức lớp 3	01	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753			Kì 1, số 207, trang 43-44	Tháng 2/2009
2	Kết quả bước đầu khảo sát nhận thức	01	x	Tạp chí Giáo dục;			Kì 2, số 244,	Tháng 8/2010



	của học sinh lớp 3 tại một số trường tiểu học thuộc huyện Đại Từ (Thái Nguyên) về các quyền và bổn phận cơ bản của trẻ.			ISSN 2354-0753			trang 26-27		
3	Các con đường giáo dục quyền và bổn phận cho học sinh	01	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753			Kì 2, số 298, trang 21-23	Tháng 11/2012	
4	Khai thác nội dung văn học dân gian để giáo dục quyền và bổn phận cho học sinh tiểu học người Tày - Nùng khu vực Việt Bắc	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ ĐHTN; ISSN: 1859-2170			Tập 100, số 12, trang 109-112	Tháng 12/2012	
5	Đặc điểm của quá trình giáo dục quyền và bổn phận cho học sinh tiểu học dân tộc Tày - Nùng khu vực Việt Bắc	01	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753			Kì 2, số 302, trang 24-26	Tháng 1/2013	
6	Thực trạng giáo dục quyền trẻ em cho học sinh cho học sinh tiểu học người Tày - Nùng khu vực Việt Bắc qua sử dụng tri thức văn hóa bản địa	01	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753			Kì 1, số 321, trang 22-23	Tháng 11/2013	
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>								
7	Ý nghĩa giáo dục các nhóm quyền và bổn phận trẻ em trong phong tục, tập quán của người Tày - Nùng các tỉnh miền núi phía	02	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753			Kì 2, số 348, trang 23-24, 27	Tháng 12/2014	

	Bắc							
8	Một số vấn đề thực tiễn cần quan tâm trong đổi mới phương pháp dạy học ở trường Đại học sư phạm hiện nay	02	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753			Kì 2, số 362, trang 64-65,51	Tháng 7/2015
9	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo và vai trò phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày - Nùng khu vực miền núi phía Bắc	01	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753			Số Đặc biệt, trang 115-117	Tháng 12/2016
10	Deverloping communication skill for tay and nung ethnic students through the club activities in school	01	x	The European Journal of Education and Applied Psychology; ISSN: 2310-5704	Quốc tế thường; ( <a href="https://cyberleninka.ru/article/n/current-situation-of-developing-communication-skills-for-students-of-tay-and-nung-ethics-via-experience-activities-at-the-secondary-schools">https://cyberleninka.ru/article/n/current-situation-of-developing-communication-skills-for-students-of-tay-and-nung-ethics-via-experience-activities-at-the-secondary-schools</a> )		No1, 2018, trang 90-94	Tháng 1/2018
11	Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày,	01	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục; ISSN: 1859-0810			Kì 1, Số 174, trang 24-26	Tháng 8/2018

	Nùng ở khu vực miền núi phía Bắc							
12	Current situation of developing communication skill for students of Tay and Nung ethnic via experience activities at the secondary schools in the northern mountainous are of vietnam	01	x	The European Journal of Education and Applied Psychology; ISSN: 2310-5704	Quốc tế thường; ( <a href="https://cyberlinka.ru/article/n/current-situation-of-developing-communication-skills-for-students-of-tay-and-nung-ethics-via-experience-activities-at-the-secondary-schools">https://cyberlinka.ru/article/n/current-situation-of-developing-communication-skills-for-students-of-tay-and-nung-ethics-via-experience-activities-at-the-secondary-schools</a> )		No2, 2019, trang 20-24	Tháng 2/2019
13	Thực trạng dạy học môn Tiếng Anh theo chuẩn đầu ra ở trường Cao đẳng sư phạm Điện Biên	02		Tạp chí Thiết bị giáo dục; ISSN: 1859-0810			Kì 1, Số 188, trang 103-105	Tháng 3/2019
14	Thực trạng hoạt động dạy học lí luận chính trị ở trường Cao đẳng sư phạm Điện Biên theo yêu cầu đổi mới giáo dục	02		Tạp chí Thiết bị giáo dục; ISSN: 1859-0810			Kì 1, Số 189, trang 145-147	Tháng 3/2019
15	Một số hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc	01	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753			Kì 2, Số 452, trang 36-40	Tháng 4/2019
16	Thực trạng quản lí công tác chủ nhiệm	02	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục;			Kì 1, Số 193,	Tháng 5/2019

	lớp ở các trường tiểu học và THCS TP Hạ Long trong giai đoạn hiện nay			ISSN: 1859-0810			trang 131-133	
17	Quy trình bồi dưỡng năng lực cho cán bộ quản lí trường THCS Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	02		Tạp chí Thiết bị giáo dục; ISSN: 1859-0810			Kì 1, Số 193, trang 134-136	Tháng 5/2019
18	Developing pedagogical competence for students at the pedagogical university through experiential learning in the subject of education	01	x	The European Journal of Humanities and Social Sciences; ISSN: 2414-2344	Quốc tế thường; ( <a href="https://doi.org/10.29013/EJHSS-19-6-101-105">https://doi.org/10.29013/EJHSS-19-6-101-105</a> )		No 6, 2019, trang 101-105	Tháng 6/2019
19	Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh Trung học cơ sở người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc	01	x	Tạp chí Thiết bị Giáo dục; ISSN: 1859-0810			Số Đặc biệt, trang 237-239	Tháng 11/2019
20	Thực trạng quản lí bồi dưỡng năng lực tư vấn, hỗ trợ sinh viên cho giảng viên trường cao đẳng y tế Hưng yên	02	x	Tạp chí Thiết bị Giáo dục; ISSN: 1859-0810			Kì 2, Số 217, trang 4-7	Tháng 5/2020
21	Applying Flipped-Classroom Teaching Model to Natural Sciences to Improve the Ability of using	02		International Journal of Mechanical and Production Engineering	Quốc tế thường; <a href="https://paper.researchbib.com/view/paper/267795">https://paper.researchbib.com/view/paper/267795</a>		Vol. 10, Issue 3, Page 4073-4080	Tháng 6/2020

	Information and Communication Technologies for Pedagogical Students			Research and Development (IJMPERD) ISSN (P): 2249-6890; ISSN (E): 2249-8001				
22	School violence in Vietnamese schools today and some solutions	03	x	Journal of Critical Review ISSN: 2394-5125	Quốc tế thường; <i>doi: 10.31838/8/jcr.07.12.625</i>		Vol 7, Issue 14, Page 899-901	Tháng 7/2020
23	Facts about child sexual abuse and harassment in Vietnam and some solutions	01	x	Journal of Critical Review ISSN: 2394-5125	Quốc tế thường; <i>doi:10.31838/jcr.07.12.625</i>		Vol 7, Issue 12, Page 4369-4373	Tháng 7/2020
24	Quản lý giáo dục quyền và bổn phận trẻ em thông qua hoạt động trải nghiệm ở trường THCS	02	x	Tạp chí Thiết bị Giáo dục; ISSN: 1859-0810			Kì 2, Số 223, trang 159-161	Tháng 8/2020
25	Educating Children's Rights and Responsibilities for Elementary School Students of Tay-Nung Ethnic Groups in the Northern Mountainous Regions - Vietnam	02	x	Universal Journal of Educational Research, ISSN: 2332-3205	Scopus (Q4, IF: 0.214) <i>doi:10.13189/ujer.2020.081145</i>	3	8 (11), Page 5425-5432	Tháng 9/2020
26	Một số yêu cầu đối với giáo viên trong dạy học tích hợp môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở để thực hiện chương trình	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Kì 2, Số 500, trang 6-10	Tháng 4/2021

	giáo dục phổ thông 2018							
27	Một số yêu cầu đối với giáo viên khi thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trung học cơ sở trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	01	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753			Kì 1, Số đặc biệt, trang 107-111	Tháng 4/2021
28	Effects of Family Education on Children's Personal Development	01	x	International Journal of Early Childhood Special Education ISSN:1308-5581	Quốc tế thường ( <a href="http://doi.org/10.9756/INT-JECSE/V13I1.211010">http://doi.org/10.9756/INT-JECSE/V13I1.211010</a> )	2	V13 (1), Page 80-84	Tháng 5/2021
29	Quy trình lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường Trung học cơ sở	01	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753		1	Kì 2, số 504, trang 40-43	Tháng 6/2021
30	Applying the Lesson Study Model in Developing Teaching Capability for Young Teachers in Vietnam	04		European Journal of Educational Research; ISSN: 2165-8714	Scopus (Q3, CiteScore: 3,6) <a href="https://doi.org/10.12973/eju-jer.10.4.1755">https://doi.org/10.12973/eju-jer.10.4.1755</a>	8	Volume 10, Issue 4, Page 1755 - 1768.	Tháng 8/2021
31	Bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học đáp ứng yêu	01	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753		1	Tập 22, Số 10, trang 35-39	Tháng 5/2022

	câu chương trình giáo dục phổ thông năm 2018							
32	The Situation of Capacity Organization of Experience Activities of Principal Teachers Thai Nguyen Province, Vietnam - Issues For Vietnam Principal Teachers	03	x	Central European Management Journal; ISSN:2336-2693	Quốc tế thường; doi:10.32052/23364890.cemj.31.3.343		Vol.31 Iss.3, Page 337-343	Tháng 9/2023
33	Đề xuất nội dung bồi dưỡng năng lực dạy học tích hợp theo chủ đề cho giáo viên Trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018	01	x	Tạp chí Giáo dục; ISSN 2354-0753			Tập 23, số đặc biệt 9, trang 122-126	Tháng 9/2023
34	Ability to organize experiential activities of teachers in primary schools	01	x	Journal of Education and e-Learning Research ; ISSN(E) 2410-9991 / ISSN(P) 2518-0169	Scopus (Q2, CiteScore: 3,3) doi:10.20448/jeelr.v11i1.5426		Vol. 11, No. 1, Page 211-218	Tháng 2/2024
35	Develop Tay and Nung Students' Communication Skills with Secondary School Experiential Activities	01	x	Journal of Curriculum and Teaching; ISSN 1927-2677/ E-ISSN 1927-2685	Scopus (Q4; CiteScore: 0,6) doi:10.5430/jct.v13n2p10		Vol. 13, No. 2; Page 11-21	Tháng 4/2024
36	Perceptions of Tay and Nung Ethnic Teachers and Students about the	01	x	International Journal of Education and Practice	Scopus (Q3; CiteScore: 2,0)		Vol. 12, No. 3, Page 769-781	Tháng 5/2024

Importance of Creative Experiential			ISSN(e): 2310-3868 ISSN(p): 2311-6897	doi:10.18488/61.v12i3.3754			
-------------------------------------	--	--	--	----------------------------	--	--	--

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là **tác giả chính** sau khi được công nhận tiến sĩ: 04 bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế uy tín, gồm các bài số [25]; [34]; [35]; [36]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (Không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/ Quốc tế	Số tác giả
...					



8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình dự án/ đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế

<b>TT</b>	<b>Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN</b>	<b>Vai trò UV (Chủ trì, tham gia)</b>	<b>Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)</b>	<b>Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng</b>	<b>Văn bản đưa vào áp dụng thực tế</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Phát triển chương trình đào tạo Tâm lý giáo dục áp dụng từ K55	Thành viên	Quyết định số 421/ QĐ-ĐHSP ngày 28/2/2020	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định 4199/QĐ-ĐHSP ngày 26/11/2020	
2	Phát triển chương trình đào tạo Tâm lý giáo dục áp dụng từ K57	Thành viên	Quyết định số 837/ QĐ-ĐHSP ngày 14/4/2022	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định 2108/QĐ-ĐHSP ngày 30/8/2022	
3	Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý giáo dục (Etep)	Ủy viên	Quyết định số 2190a/ QĐ-ĐHSP ngày 12/6/2018	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định 189a/QĐ-ĐHSP ngày 22/1/2020	
4	Chương trình đào tạo cử nhân Tâm lý học giáo dục (Etep)	Ủy viên	Quyết định số 2189a/QĐ-ĐHSP ngày 12/6/2018	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định 189a/QĐ-ĐHSP ngày 22/1/2020	
5	Phát triển tài liệu mô đun 8 dự án Etep “Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh” (Etep)	Ủy viên	Quyết định số 837/ QĐ-ĐHSP ngày 28/4/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nghiệm thu cấp Bộ theo QĐ số 4620/QĐBGĐT ngày 18/12/2021	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*: KHÔNG

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2024*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Ngm', is written over a horizontal blue line.

**Nguyễn Thị Ngọc**